

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Th**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp A, xã TT, huyện TP1, tỉnh TG1 (có mặt)

2.*Bị đơn:* Anh **Hà Văn L**, sinh năm 1982. Chị **Nguyễn Thị Trúc L1**, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TT1, huyện TP, tỉnh TG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Th trình bày:**

Ngày 25-4-2019, chị có cho chị L1 và anh L vay số tiền 68.000.000đồng. Mục đích vay tiền mua đất, chị cho chị L1 và anh L trả dần mỗi tháng 4.000.000đồng đến khi hết số nợ trên. Khi vay tiền anh L và chị L1 có ký vào biên nhận nhận tiền, giữa chị và anh L, chị L1 không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 04-12-2019, chị cho chị L1 và anh L vay số tiền 100.000.000đồng. Mục đích vay tiền mua đất, chị cho chị L1 và anh L vay trong thời hạn 100 ngày. Khi vay tiền chị L1 có ký vào biên nhận nhận tiền, giữa chị và anh L, chị L1 không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay tiền, chị L1 và anh L chưa trả được số nợ nào còn thiếu tổng cộng 168.000.000đồng, chị có đòi nhiều lần nhưng chị L1 và anh L không trả.

Nay chị yêu cầu chị L1 và anh L trả số tiền 168.000.000đồng. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà chị L1, anh L không trả được nợ thì phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ anh L, chị L1 nhiều lần nhưng anh chị vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai nhận có cho bị đơn Hà Văn L và Nguyễn Thị Trúc L1 mượn tiền trả dần chia làm nhiều lần trả đến khi hết nợ gốc nhưng thực chất vay tiền nhưng không có thỏa thuận lãi suất cụ thể nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Hai bên xác lập giao dịch dân sự năm 2019 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị Th tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Hà Văn L và Nguyễn Thị Trúc L1 có địa chỉ: Ấp B, xã TT1, huyện TP, tỉnh TG thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về chứng cứ vụ án: Chị Phan Thị Th cung cấp các biên nhận vay tiền do anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1 ký tên trong các biên nhận.

[5] Về nội dung: Chị Phan Thị Th yêu cầu anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1 trả số tiền 168.000.000đồng. Sau khi vay tiền anh L, chị L1 không trả gốc cho chị Th theo thỏa thuận mà kéo dài cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên chị Th khởi kiện yêu cầu anh L, chị L1 trả số tiền 168.000.000đồng. Xét việc anh L, chị L1 vay tiền của chị Th từ năm 2019 đến nay không trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị Th khởi kiện yêu cầu anh L, chị L1 trả số nợ trên một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ phù hợp với Điều 471, 474 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Chị Phan Thị Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng Xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1 phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Th.

Buộc anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1 trả cho chị Phan Thị Th số tiền vốn vay là 168.000.000đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L, chị L1 chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành.

2.Về án phí: Anh Hà Văn L và chị Nguyễn Thị Trúc L1 phải chịu 8.400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Phan Thị Th số tiền 4.200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20221 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3.Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L, chị L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền